

ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 11
HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2021 – 2022

Bài 1: TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 1: Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là?

- A. A0 B. A1 C. A4 D. Các khổ giấy có kích thước như nhau

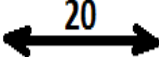
Câu 2: Khổ giấy A4 có kích thước là bao nhiêu (mm)?

- A. 841 x 594. B. 420 x 297. C. 594 x 420. D. 297 x 210.

Câu 3: Khổ giấy A1 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A4?

- A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần. D. 16 lần

Câu 4: Cách ghi kích thước nào sau đây là chưa đúng:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5: Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ phóng to:

- A. 10:1; 1:5; B. 1:2; 1:20 C. 2:1; 1:1 D. 2:1; 5:1

Câu 6: Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ thu nhỏ:

- A. 100:1; 1:10; B. 1:5; 1:20 C. 10:1; 1:1 D. 10:1; 50:1

Câu 7: Cho biết vị trí của khung tên trên bản vẽ kỹ thuật:

- A. Góc trái phía trên bản vẽ. B. Góc phải phía dưới bản vẽ.
C. Góc phải phía trên bản vẽ. D. Góc trái phía dưới bản vẽ.

Câu 8: Nét liền đậm dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 9: Nét liền mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 10: Nét đứt mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 11: Nét gạch chấm mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường giống, đường kích thước.

Câu 12: Đường giống vẽ vượt qua đường kích thước một khoảng:

- A. Từ 4 đến 6mm B. Từ 2 đến 3mm
C. Từ 2 đến 4mm D. Từ 2 đến 6mm

Câu 13: Đường kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
C. Nét liền đậm, song song với phần tử ghi kích thước.

D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử ghi kích thước.

Câu 14: Đường gióng kích thước được vẽ bằng:

A. Nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.

B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.

C. Nét liền đậm, song song với phần tử cần ghi kích thước.

D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.

Câu 15: Kích thước của khung tên là kích thước nào?

A. Dài 140mm x rộng 32mm.

B. Dài 140mm x rộng 22mm.

C. Dài 140mm x rộng 42mm.

D. Dài 130mm x rộng 32mm.

Câu 16: Khổ chữ (h) được xác định bằng:

A. Chiều cao của chữ hoa tính bằng milimet. B. Chiều cao của chữ thường tính bằng milimet.

C. Chiều cao của chữ hoa tính bằng met. D. Chiều ngang của chữ hoa tính bằng milimet.

Câu 17: chiều rộng (d) của nét chữ thường lấy bằng:

A. 10h

B. $\frac{1}{10}h$

C. $\frac{10}{h}$

D. 0,5h

Câu 18: Trên bản vẽ kĩ thuật những con số kích thước không ghi đơn vị thì được tính theo đơn vị:

A. m.

B. cm.

C. mm.

D. dm.

Câu 19: Trên con số kích thước đường kính đường tròn và bán kính của cung tròn ghi các kí hiệu lần lượt sau:

A. M và R.

B. M và T.

C. Ø và R.

D. Ø và M.

Câu 20: Có mấy loại nét vẽ thường gặp trong kĩ thuật?

A. 4

B. 5

C. 2

D. 3

Bài 2: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Câu 21: Hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

A. Bên trái

B. Ở trên

C. Ở dưới

D. Bên phải

Câu 22: Hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

A. Bên trái

B. Ở trên

C. Ở dưới

D. Bên phải

Câu 23: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trên xuống ta được:

A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 24: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trước vào ta được:

A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 25: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ bên trái ta được:

A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 26: Hình chiếu đứng thể hiện chiều nào của vật thể:

A. Chiều dài và chiều cao.

B. Chiều dài và chiều rộng.

C. Chiều rộng và chiều ngang.

D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 27: Hình chiếu bằng thể hiện chiều nào của vật thể:

A. Chiều dài và chiều cao.

B. Chiều dài và chiều rộng.

C. Chiều rộng và chiều ngang.

D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 28: Hình chiếu cạnh thể hiện chiều nào của vật thể:

A. Chiều dài và chiều cao.

B. Chiều dài và chiều rộng.

C. Chiều rộng và chiều ngang.

D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 29: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay phải 90^0 . B. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay trái 90^0 .
C. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay lên 90^0 . D. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay xuống 90^0 .

Câu 30: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay phải 90^0 . B. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay trái 90^0 .
C. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay lên 90^0 . D. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay xuống 90^0 .

Bài 4: MẶT CẮT – HÌNH CẮT

Câu 31: Mặt cắt chap được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu. B. Ngay lên hình chiếu.
C. Bên phải hình chiếu. D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 32: Mặt cắt rời được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu. B. Ngay lên hình chiếu.
C. Bên phải hình chiếu. D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 33: Đây là hình cắt đã học trong chương trình công nghệ 11?

- A. Hình cắt toàn bộ
B. Hình cắt một nửa
C. Hình cắt cục bộ
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 34: Hình cắt là gì?

- A. Là hình biểu diễn mặt cắt
B. Là hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.
C. Là hình biểu diễn các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt
D. Là hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể trước mặt phẳng cắt

Câu 35: Mặt cắt là?

- A. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.
B. Hình biểu diễn các đường gạch gạch và đường bao bên ngoài vật thể.
C. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt.
D. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

Câu 36: Mặt cắt nào được vẽ ngoài hình chiếu:

- A. Mặt cắt rời. B. Mặt cắt một nửa. C. Mặt cắt toàn bộ. D. Mặt cắt chap.

Câu 37: Tên mặt cắt đã học trong chương trình công nghệ 11 là?

- A. Mặt cắt chap
B. Mặt cắt rời

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai

Câu 38: Điền vào chỗ trống: “Mặt cắt là hình biểu diễn cáccủa vật thể nằm trên mặt phẳng cắt”.

A. đường bao thấy. B. đường bao khuất, C. đường bao. D. đường giới hạn.

Bài 5: HÌNH CHIẾU TRỰC ĐO

Câu 39: Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có:

A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^\circ$; $X'O'Z' = 135^\circ$ B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^\circ$; $X'O'Z' = 90^\circ$
C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^\circ$ D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^\circ$

Câu 40: Góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều có:

A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^\circ$; $X'O'Z' = 135^\circ$ B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^\circ$; $X'O'Z' = 90^\circ$
C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^\circ$ D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^\circ$

Câu 41: Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn 3 chiều của vật thể, được xác định bằng:

A. Phép chiếu vuông góc. B. Phép chiếu song song.
C. Phép chiếu xuyên tâm. D. Một loại phép chiếu khác.

Bài 7: HÌNH CHIẾU PHỐI CẢNH

Câu 42: Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ nhận được khi:

A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
B. Mặt tranh tùy ý
C. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể
D. Mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể

Câu 43: Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi:

A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
B. Mặt tranh tùy ý
C. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể
D. Mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể

Câu 44: Vẽ phác hình chiếu phối cảnh cần trải qua:

A. 4 bước B. 7 bước C. 6 bước D. 5 bước

Câu 45: Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh.....với 1 mặt của vật thể.

A. song song. B. không song song. C. vuông góc. D. cắt nhau.

Bài 8 : THIẾT KẾ VÀ BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 46: Hình thành ý tưởng, xác định đề tài thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 47: Thu thập thông tin. Tiến hành thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 48: Làm mô hình thử nghiệm, chế tạo thử là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 49: Thẩm định, đánh giá phương án thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 50: Trong các giai đoạn thiết kế, nếu phương án thiết kế không đạt thì phải quay về giai đoạn nào?

- A. Làm mô hình thử nghiệm, chế tạo thử. B. Thu thập thông tin, tiến hành thiết kế.
C. Hình thành ý tưởng, xác định đề tài thiết kế. D. Lập hồ sơ kỹ thuật.

Bài 9: BẢN VẼ CƠ KHÍ

Câu 51: Trình tự các bước để lập bản vẽ chi tiết như sau:

- A. Vẽ mờ – Ghi phần chữ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Tô đậm
B. Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Ghi phần chữ – Tô đậm
C. Vẽ mờ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Ghi phần chữ – Tô đậm
D. Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Tô đậm – Ghi phần chữ

Câu 52: Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

- A. Thiết kế và chế tạo chi tiết B. Chế tạo và kiểm tra chi tiết
C. Thiết kế và kiểm tra chi tiết D. Lắp ráp các chi tiết

Câu 53: Công dụng của bản vẽ lắp là:

- A. Thiết kế và chế tạo chi tiết B. Chế tạo và kiểm tra chi tiết
C. Thiết kế và kiểm tra chi tiết D. Lắp ráp các chi tiết

Câu 54: Nội dung của bản vẽ chi tiết là:

- A. Thể hiện hình dạng, kích thước và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
B. Thể hiện hình dạng, kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.
C. Thể hiện hình dạng và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
D. Thể hiện kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.

Câu 55: Nội dung của bản vẽ lắp là:

- A. Thể hiện hình dạng, kích thước và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
B. Thể hiện hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.
C. Thể hiện hình dạng và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
D. Thể hiện kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.

Bài 11: BẢN VẼ XÂY DỰNG

Câu 56: Bản vẽ nhà là bản vẽ thể hiện:

- A. Hình dạng ngôi nhà
B. Kích thước ngôi nhà
C. Cấu tạo ngôi nhà
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 57: Hình biểu diễn chính của ngôi nhà là?

- A. Mặt bằng
- B. Mặt đứng
- C. Hình cắt
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 58: Điền vào chỗ trống: Bản vẽ mặt bằng tổng thể là bản vẽ của các công trình trên khu đất xây dựng

- A. Hình chiếu bằng
- B. Hình chiếu đứng
- C. Hình chiếu cạnh
- D. Hình chiếu trục đo

Câu 59: Hình biểu diễn quan trọng nhất của ngôi nhà là?

- A. Mặt bằng
- B. Mặt đứng
- C. Hình cắt
- D. Đáp án khác

Câu 60: Chọn phát biểu đúng?

- A. Mặt bằng là hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi một mặt phẳng thẳng đứng đi qua cửa sổ
- B. Mặt bằng là hình cắt đứng của ngôi nhà được cắt bởi một mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ
- C. Mặt bằng là hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi một mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ
- D. Đáp án khác

CÂU		CÂU		CÂU		CÂU		CÂU		CÂU	
1	A	11	C	21	C	31	B	41	B	51	D
2	B	12	C	22	D	32	D	42	A	52	B
3	C	13	A	23	D	33	D	43	C	53	D
4	C	14	B	24	B	34	B	44	B	54	A
5	D	15	A	25	C	35	C	45	A	55	B
6	B	16	A	26	A	36	A	46	A	56	D
7	B	17	B	27	B	37	C	47	B	57	D
8	A	18	C	28	D	38	C	48	C	58	A
9	D	19	C	29	D	39	B	49	D	59	A
10	B	20	B	30	A	40	C	50	B	60	C